

Bản án số: 530/2023/DS-PT

Ngày 07- 8- 2023

V/v “*Tranh chấp thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thúy

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phạm Trí Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị U- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1295/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 636/2023/QĐPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn C** (chết ngày 09/10/2020).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn*

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1941.(chết ngày 20/12/2021)

2. Ông **Bùi Minh Q**, sinh năm 1963 (vắng mặt)

3. Bà **Bùi Thị Minh H**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

4. Bà **Bùi Thị Minh H**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

5. Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1993, con của bà Bùi Thị Minh Phụng (chết 2000), người thừa kế thế vị (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 247 đường L, PH 7, quận B, Thành phố H.

Cùng địa chỉ liên lạc: Số 52N đường T, Phường 5, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, bà H, bà H, ông P có ông **Bùi Minh S** sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23/17A, khu phố 2, đường TTH10, phường T, Quận 12, Thành phố H.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 3286 lập ngày 23/3/2021 tại Phòng công chứng số 6, Thành phố H).

6. Ông **Bùi Minh H1**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 52N đường T, Phường 5, quận B, Thành phố H.

7. Ông **Bùi Minh S** sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 23/17A, khu phố 2, đường TTH10, phường T, Quận 12, Thành phố H.

8. Ông **Thạch Phú L**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 312/12/9 đường HT13, khu phố 7, phường H, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Bùi Minh H1, Thạch Phú L:

Bà **Trần Thị Quỳnh G**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 622/3 đường Nguyễn K, Phường 4, quận P, Thành phố H).

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Số 38 HP, Phường 2, quận P, Thành phố H

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 14978 lập ngày 22/01/2022 tại Văn phòng công chứng Vũ Thị V Anh).

*Bị đơn:* 1. Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1939 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 631 đường Bùi Đình Túy, PH 12, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 373 lập ngày 07/01/2019 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố H).

2. Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 482/12/5 đường L, Phường 11, quận B, Thành phố H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Bùi Thị Minh N** (chết 1983, độc thân, không chồng, con)

2. Ông **Bùi Văn T** (chết 2001).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:

2.1. Bà **Lý Thị U**, sinh năm 1947 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.2. Ông **Bùi Anh D**, sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.3. Ông **Bùi Văn L**, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
2.4. Ông **Bùi Anh K**, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
2.5. Ông **Bùi Anh T**, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Cùng địa chỉ: Số 179 Đường số 5, Tổ 11, Khu phố 2, phường P, Quận 9, Thành phố H.

2.6. Ông **Bùi Anh T**, sinh năm 1969 (vắng mặt)  
Địa chỉ: 90 Đường số 475, Tổ 3, Khu phố 5, phường P, Quận 9, Thành phố H.

2.7. Bà **Bùi Thị Anh T**, sinh năm 1974 (vắng mặt)  
Địa chỉ: 90/A1 Đường 359, Tổ 17, Khu phố 5, phường P, Quận 9, Thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) Lý Thị U, Bùi Anh D, Bùi Văn L, Bùi Anh K, Bùi Anh Toán, Bùi Anh T, Bùi Thị Anh T là bà **Nguyễn Trần Họa M**, sinh năm 1985 (có mặt)*  
Địa chỉ: Số 38 đường H, Phường 2, quận P, Thành phố H.  
(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 24593 lập ngày 17/10/2018 tại Văn phòng Công chứng P, Thành phố H).

### 3. Bà **Bùi Thị Ánh T** (chết năm 2007).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

3.1. Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1939, chồng (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T:

Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 373 lập ngày 07/01/2019 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.2. Bà **Phan Thị Thanh V**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 136 Clansman Trail, Mississauga, Ontario L4Z3H2, Canada.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V:

- Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

- Ông **Phan Thanh L**, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H.

(Theo Hợp đồng ủy quyền đã được chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự số 67/11/2020/CNLS/HPHLS ngày 13/11/2020 của Đại sứ quán Việt Nam tại Canada).

3.3. Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

3.4. Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3.5. Ông **Phan Thanh L**, sinh năm 1975 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 482/12/5 L, PH 11, quận B, Thành phố H.

3.6. Bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 631 Bùi Đình Túy, PH 12, quận B, Thành phố H.

4. Ông **Phan Thanh H**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

5. Ông **Phan Thanh L**, sinh năm 1975 (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà) Phan Thanh H, Phan Thanh L, Phan Thị Thanh T1:

Ông **Phan Thanh S**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H.

(Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 373 lập ngày 07/01/2019 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

Do có kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Minh H1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2017 của nguyên đơn ông Bùi Văn C và các bản tự khai của người được ủy quyền là bà Trần Thị Quỳnh G trình bày:*

Nhà đất tại địa chỉ số 482/12/5 (số cũ là 482/36) đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (gọi tắt là Căn nhà 482/12/5) là của cụ Bùi Văn Hmua từ năm 1948 – mua bằng giấy tờ viết tay nay đã thất lạc.

Cụ Bùi Văn H (1912 – 1990) có vợ là cụ Cao Thị Đ (chết năm 1947) có 02 con là ông Bùi văn C (1938 chết ngày 2020) và ông Bùi Văn T (1941-2001). Năm 1948 cụ Bùi Văn H kết hôn với cụ Huỳnh Thị T (1926-1983) có 02 con chung là Bùi Thị Ánh T (1950-2007) và Bùi Thị Minh N (1952-1983), bà N không có chồng con.

Năm 1990, sau khi cụ Bùi Văn H chết, Căn nhà 482/12/5 tạm giao cho bà Bùi Thị Ánh T quản lý, sử dụng. Đến năm 2010, ông Phan Văn T và con là ông Phan Thanh S chiếm giữ sử dụng, làm thay đổi hiện trạng từ nhà thờ cúng thành nhà riêng. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả lại Căn nhà cho các thừa kế nhưng không được bà Bùi Thị Ánh T, ông Phan Văn T, ông Phan Thanh S đồng ý.

Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/8/2019, nguyên đơn chỉ yêu cầu chia phần đất còn lại sau khi trừ đi phần đất có mộ. Công nhận nhà, đất có

diện tích là 391,1m<sup>2</sup> (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) di sản thừa kế là tài sản chung của cụ Bùi Văn H và cụ Huỳnh Thị T, chia đều cho các đồng thừa kế gồm ông Bùi Văn C, ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị Ánh T. Nguyên đơn nhận bằng giá trị (tiền mặt).

Đến ngày 09/10/2020 ông Bùi Văn C chết, căn cứ Trích lục khai tử số 372/TLKT-BS ngày 14/10/2020 của Ủy ban nhân dân PH 07, quận B. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn gồm: bà Nguyễn Thị H - vợ nguyên đơn và các con ông Bùi Minh Q (1963), bà Bùi Thị Minh H (1966), bà Bùi Thị Minh H (1969), bà Bùi Thị Minh Phụng (1971-2000) có con là ông Trần Thanh P (1993), ông Bùi Minh H1 (1973); ông Bùi Minh Sang (1976), ông Thạch Phú L (1983) là con riêng của ông Bùi Văn C.

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C là ông Bùi Minh H1 và ông Thạch Phú L do bà Trần Thị Quỳnh G là người đại diện ủy quyền trình bày:* Đồng ý là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thống nhất những người có tên như trên là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C. Không yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn C trong vụ án này và đề nghị giải quyết. Không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L.

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C – bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Minh Q, bà Bùi Thị Minh H, bà Bùi Thị Minh H, ông Trần Thanh P có ông Bùi Minh Sang đại diện ủy quyền trình bày:* Các ông bà đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn C, đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu chia phần di sản của ông Bùi Văn C, các thừa kế của ông Bùi Văn C sẽ tự giải quyết; Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị Quỳnh G; Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L.

*Bị đơn – ông Phan Thanh S đồng thời là người đại diện ủy quyền của bị đơn – ông Phan Văn T trình bày:*

Căn nhà 482/12/5 (số cũ 482/36) L, PH 11, quận B, Thành phố H trước đây là của cố Huỳnh Văn Đ và cố Võ Thị H được thừa hưởng từ cha là cụ cố Huỳnh Văn T. Sau khi cố Huỳnh Văn Đ và cố Võ Thị H chết để lại nhà và đất trên cho cụ Huỳnh Thị T – là mẹ vợ của ông Phan Văn T, bà ngoại của ông Phan Thanh S. Nhà đất này là tài sản riêng của cụ Huỳnh Thị T trước khi có chồng.

Năm 1950, cụ Huỳnh Thị T chung sống với cụ Bùi Văn H và có hai người con chung là bà Bùi Thị Ánh T (1950-2007) và bà Bùi Thị Minh N (1952-1983).

Sau khi hai cụ chết, căn nhà trên cho con gái là bà Bùi Thị Ánh T tiếp tục quản lý sử dụng và đứng tên kê khai trên Tờ đăng ký nhà đất năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân PH 11, quận B, Thành phố H ký ngày 20/8/1999, Quyết định số 16317/QĐ-UB V/v cấp đổi số nhà (482/36 với số mới là 482/12/5) đường L, PH 11, quận B, Thành phố H vào ngày 27/11/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Công văn số 1472/UBND-TNMT của Ủy ban nhân dân quận B ký ngày 03/05/2019; Công văn số 4494/CNBTH của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận B ký ngày 04/10/2019.

Trước khi sống chung với cụ Huỳnh Thị T, cụ Bùi Văn H có 02 người con riêng là ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T. Cụ Bùi Văn H có căn nhà riêng tại Số 247 đường L, Phường 7, quận B, Thành phố H nhưng đã để lại cho hai người con riêng của mình là ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T. Căn nhà 482/12/5 có nguồn gốc của cố Huỳnh Văn Đ xây dựng và cho lại con gái là cụ Huỳnh Thị T sử dụng cho đến khi cụ Bùi Văn H về ở rảnh không xây dựng thêm. Do đó, Căn nhà và đất tại địa chỉ số 482/12/5 (số cũ 482/36) L, PH 11, quận B, Thành phố H là tài sản riêng của cụ Huỳnh Thị T được để lại cho bà Bùi Thị Ánh T.

Bà Bùi Thị Ánh T sinh ra và lớn lên và sinh sống tại Căn nhà này. Sau khi hai cụ chết, bà cùng chồng là ông Phan Văn T tiếp tục quản lý và sử dụng, cả hai có tất cả 05 người con chung là bà Phan Thị Thanh V (sinh năm 1969), ông Phan Thanh S (sinh năm 1970), bà Phan Thị Thanh T1 (sinh năm 1971), ông Phan Thanh H (sinh năm 1972), ông Phan Thanh L (sinh năm 1975) tất cả cùng sống trong căn nhà này từ lúc nhỏ cho đến nay. Đến năm 2005 do nhà hư hỏng nặng gia đình bà T đã đã tiến hành dỡ bỏ và xây dựng lại toàn bộ như hiện trạng.

Đồng thời, từ khi cụ Huỳnh Thị T, cụ Bùi Văn H chết đến nay ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T cùng gia đình chưa từng một lần đến căn nhà này. Do đó việc ông Bùi Văn C cho rằng bị đơn ngăn cản không cho vào nhà để lo hương khói cho ông bà là không đúng sự thật.

Không đồng ý với trình bày của nguyên đơn về việc cụ Bùi Văn H mua lại căn nhà bằng giấy tay từ cố Huỳnh Văn Đ, yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng minh việc mua Bn trên. Không đồng ý trình bày của nguyên đơn cho rằng ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T cùng được sống chung và được cụ Huỳnh Thị T nuôi dưỡng chăm sóc tại Căn nhà tranh chấp từ nhỏ cho đến khi lập gia đình ra ở riêng, không đồng ý trình bày của bị đơn nêu ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T có công chăm sóc nuôi dưỡng hai cụ khi về già bằng hình thức đưa tiền và thức ăn cho bà Bùi Thị Ánh T chăm sóc.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Bc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với Căn nhà tại Số 482/12/5 (số cũ 482/36) đường L, PH 11, quận B, Thành phố H; thống nhất với toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L. Đồng ý là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Ánh T.

Thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019 và Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021, không yêu cầu đo vẽ lại và định giá lại tài sản tranh chấp.

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Ánh T - các ông (bà) Phan Thanh H, Phan Thị Thanh T1 (có ông Phan Thanh S đại diện ủy quyền), Phan Thị Thanh V (có ông Phan Thanh S và ông Phan Thanh L đại diện ủy quyền) trình bày:*

Thống nhất với trình bày của bị đơn ông Phan Văn T và ông Phan Thanh S về nguồn gốc tài sản tranh chấp. Các ông, bà đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Ánh T. Thống nhất với yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L.

Thống nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019 và Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021, không yêu cầu đo vẽ lại và định giá lại tài sản tranh chấp.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh L trình bày:* Ông đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Bùi Thị Ánh T; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà đất tranh chấp trên là tài sản của cha mẹ cụ Huỳnh Thị T để lại cho riêng cụ Tư thể hiện tại Bản kê khai nhà cửa ngày 14/12/1977, vì là tài sản riêng nên cụ Huỳnh Thị T đứng kê khai, không có liên quan đến cụ Bùi Văn H. Tại Tờ đăng ký nhà – đất ngày 20/8/1999 bà Bùi Thị Ánh T tiếp tục đăng ký kê khai nhà đất. Do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho rằng đây là tài sản của cụ Bùi Văn H mua lại từ cố Huỳnh Văn Đ, không đồng ý xác định đây là tài sản chung của cụ Bùi Văn H và cụ Huỳnh Thị T để chia thừa kế cho con riêng của cụ Bùi Văn H.

Đồng thời, ông có yêu cầu độc lập là công nhận nhà đất tại số 482/12/5 (số cũ 482/36) đường L, PH 11, quận B, Thành phố H có diện tích là 391,1m<sup>2</sup> theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 31/10/2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập (đã trừ phần đất thổ mộ) là tài sản của bà Bùi Thị Ánh T chết để lại di sản cho chồng và 05 người con là ông Phan

Thanh H, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh L.

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T - các ông (bà) Lý Thị U, Bùi Anh D, Bùi Văn L, Bùi Anh K, Bùi Anh T, Bùi Anh T, Bùi Thị Anh T có bà Nguyễn Trần Hòa M đại diện ủy quyền trình bày: Các ông bà có cùng ý kiến và yêu cầu và trình bày của bà Trần Thị Quỳnh G đại diện ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn – ông Thạch Phú L và ông Bùi Minh H1. Không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L.*

Thông nhất với Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019 và Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021, không yêu cầu đo vẽ lại và định giá lại tài sản tranh chấp.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1295/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố H quyết định:**

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Điều 227; Điều 228 và các Điều 464; 465; 466; 469; 470; 476; 479 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 652; Điều 654 Bộ Luật dân sự 2015.

Áp dụng Án lệ số 05/2016/AL Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế đối với di sản của cụ Bùi Văn H là 1/3 di sản của cụ Huỳnh Thị T (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H), không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương 7,026,763,333 đồng (bảy tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

1.1 Ông Bùi Văn C được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H) tương đương 7,026,763,333 đồng/3 = 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Ghi nhận những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị H (vợ) và các con là ông Bùi Minh Q; bà Bùi Thị Minh H; bà Bùi Thị Minh H; ông Trần Thanh P; ông Bùi Minh H1, ông Bùi Minh Sang và ông Thạch Phú L, không yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn C.

Ông Bùi Minh S bà Trần Thị Quỳnh G và ông Bùi Minh H1 đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C cùng nhận số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) để tự giải quyết.

1.2 Ông Bùi Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H), không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương 7,026,763,333 đồng/3 = 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Ghi nhận những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T gồm: Bà Lý Thị U (vợ) và các con là ông Bùi Anh D; ông Bùi Văn L; ông Bùi Anh T; ông Bùi Anh K; bà Bùi Thị Anh T; bà Bùi Thị Anh T không yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn T.

Bà Lý Thị U, ông Bùi Anh D và bà Nguyễn Trần Hòa M đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T cùng nhận số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) để tự giải quyết.

1.3 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H) tương đương 7,026,763,333 đồng/3 = 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, là tài sản

chung của cụ Huỳnh Thị T và cụ Bùi Văn H. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L. Công nhận yêu cầu xác định diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, là tài sản riêng của cụ Huỳnh Thị T.

4. Công nhận di sản bà Bùi Thị Ánh T cho ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L, gồm:

4.1 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị T là 2/3 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} \times 2 = 14,053,526,666 \text{ đồng}$  (mười bốn tỷ, lẻ năm mươi ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4.2 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} / 3 = 2,342,254,444 \text{ đồng}$  (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

4.3 Công nhận phần giá trị xây dựng tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021 là 369,320,000 đồng (ba trăm, sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) là di sản của bà Bùi Thị Ánh T.

Tổng cộng di sản bà Bùi Thị Ánh T là 7/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019 và giá trị xây dựng tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021.

5. Buộc các đồng thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T gồm ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H,

ông Phan Thanh L pH liên đới thanh toán số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn Thảo. Cụ thể, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L mỗi người pH thanh toán số tiền 390,375,741 đồng (ba trăm chín mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và số tiền 390,375,741 (ba trăm chín mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) đồng cho các thừa kế của ông Bùi Văn T.

Sau khi các thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T gồm: ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L liên đới thanh toán xong cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T số tiền nêu trên. Ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà và diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) là tài sản chung và công nhận mỗi người được hưởng một phần như nhau.

6. Trường hợp ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L không thanh toán số tiền nêu trên, thì pH phát mãi nhà và diện tích đất 391,1m<sup>2</sup> (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) để thanh toán cho các thừa kế của ông Bùi Văn C là 1/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) và thanh toán cho các thừa kế ông Bùi Văn T là 1/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019).

Thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Vào ngày 05/01/2021, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Minh H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Minh H1 là bà Trần Thị Quỳnh G và ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H1 sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Phan Thanh S và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn T, Phan Thị Thanh V, Phan Thị Thanh T1, Phan Thanh L, Phan Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, Bc kháng cáo của ông Bùi Minh H1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhận dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Minh H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1285/2021/DS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của ông Bùi Minh H1 ngày 04/01/2022 được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận ngày 05/01/2022, kháng cáo được làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với đơn kháng cáo thay đổi bổ sung ngày 24/01/2022 của người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Minh H1 là ông Nguyễn Văn B. Hội đồng xét xử xét thấy, Theo giấy ủy quyền ngày 22/01/2022 ông Bùi Minh H1 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị Quỳnh G thực hiện các công việc sau:

“ - Nộp tiền tạm ứng án phí theo thông Bo số 388/TB-TA ngày 13/01/2022,

- Nộp tiền tạm ứng lệ phí theo thông Bo số 548/TB-TDS ngày 13/01/2022,

- Nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông Bo số 549/TB-TDS ngày 13/01/2022,

- Nộp phí ủy thác tư pháp theo thông Bo số 547/TB-TA ngày 13/01/2022,

- Ký nhân và nhận biên lai thu tiền và các giấy tờ liên quan (nếu có),

- Tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Minh H1 tại các phiên Tòa (kể cả Tòa phúc thẩm, Tòa Giám đốc thẩm và tái thẩm) trong vụ án tranh chấp thừa kế do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử cho đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thi hành án xong, căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bên được ủy quyền được quyền tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Minh H1 trong phạm vi ủy quyền nêu trên.

2. Trong phạm vi của nội dung ủy quyền nêu trên, bên được ủy quyền được quyền lập, ký tên trên các giấy tờ liên quan và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật có liên quan đến các hành vi được ủy quyền nêu trên”

3. Như vậy, theo phạm vi ủy quyền thì ông Nguyễn Văn B không được ký tên vào đơn kháng cáo thay đổi bổ sung.

Bên cạnh đó, theo kháng cáo ngày 04/01/2022 ông Bùi Minh H1 chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đến ngày 24/01/2022 ông Nguyễn Văn B đại diện theo ủy quyền của ông H1 kháng cáo toàn bộ án án sơ thẩm là đã quá thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không được chấp nhận.

\* Về việc xét xử vắng mặt đối với ông Bùi Minh Sang: Ông Bùi Minh Sang là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Văn C, đồng thời, ông Sang cũng là người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Quang, H, H Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Bùi Văn H1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu xem xét quan hệ thừa kế giữa con riêng và mẹ kế giữa ông Bùi Văn C, Bùi Văn T và bà Huỳnh Thị T: Xét thấy, theo quy định tại điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “ Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được chia thừa kế quy định tại điều 652 và điều 653 của Bộ luật này”. Trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T sống chung với cụ Huỳnh Thị T và cụ Bùi Văn H tại căn nhà đang tranh chấp, các ông được cụ

Huỳnh Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng như con ruột đến khi lập gia đình mới cho ra ở riêng. Sau khi ra sống riêng, ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T vẫn tiếp tục xuyên gởi tiền và thực phẩm về để cho bà Bùi Thị Ánh T chăm sóc cha và mẹ kế nhưng không được phía bị đơn thừa nhận. Phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do phía nguyên đơn không chứng minh được giữa ông Bùi Văn C, Bùi Văn T với cụ Huỳnh Thị T có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nhau trên thực tế như cha, mẹ con nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được hưởng di sản thừa kế giữa ông Bùi Văn C, Bùi Văn T và cụ Huỳnh Thị T là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông Bùi Văn H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất không bằng nhau:

Xét thấy, do phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ gia tộc nhà họ Huỳnh, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét công sức đóng góp từ ông bà cha mẹ để lại mới có được khối tài sản này và công sức gìn giữ, quản lý, tôn tạo di sản thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T. Do đó xem xét chia cho bà Bùi Thị Ánh T một phần tài sản tương đương với một suất thừa kế từ di sản của cụ Huỳnh Thị T mới đảm bảo quyền lợi của gia đình cụ Huỳnh Thị T và cho gia tộc nhà họ Huỳnh tiếp tục có cơ hội gìn giữ di sản, theo hướng dẫn tại Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận, vì vậy các đương sự có yêu cầu kháng cáo pH chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1285/2021/DS-ST ngày 22/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 2, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Điều 227; Điều 228 và các Điều 464; 465; 466; 469; 470; 476; 479 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 649; Điều 650; Điều 652; Điều 654 Bộ Luật dân sự 2015.

Áp dụng Án lệ số 05/2016/AL Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế đối với di sản của cụ Bùi Văn H là 1/3 di sản của cụ Huỳnh Thị T (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H), không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương 7,026,763,333 đồng (bảy tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

1.1 Ông Bùi Văn C được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H) tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} / 3 = 2,342,254,444 \text{ đồng}$  (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Ghi nhận những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C gồm: Bà Nguyễn Thị H (vợ đã chết) và các con là ông Bùi Minh Q; bà Bùi Thị Minh H; bà Bùi Thị Minh H; ông Trần Thanh P; ông Bùi Minh H1, ông Bùi Minh Sang và ông Thạch Phú L, không yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn C.

Ông Bùi Minh S bà Trần Thị Quỳnh G và ông Bùi Minh H1 đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C cùng nhận số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) để tự giải quyết.

1.2 Ông Bùi Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H), không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} / 3 = 2,342,254,444 \text{ đồng}$  (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Ghi nhận những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T gồm: Bà Lý Thị U (vợ) và các con là ông Bùi Anh D; ông Bùi Văn L; ông Bùi

Anh T; ông Bùi Anh K; bà Bùi Thị Anh T; bà Bùi Thị Anh T không yêu cầu chia di sản của ông Bùi Văn T.

Bà Lý Thị U, ông Bùi Anh D và bà Nguyễn Trần Hòa M đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn T cùng nhận số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) để tự giải quyết.

1.3 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H) tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} / 3 = 2,342,254,444 \text{ đồng}$  (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, là tài sản chung của cụ Huỳnh Thị T và cụ Bùi Văn H. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T được hưởng di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phan Thanh L. Công nhận yêu cầu xác định diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, là tài sản riêng của cụ Huỳnh Thị T.

4. Công nhận di sản bà Bùi Thị Ánh T cho ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L, gồm:

4.1 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Huỳnh Thị T là 2/3 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019, tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} \times 2 = 14,053,526,666 \text{ đồng}$  (mười bốn tỷ, lẻ năm mươi ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

4.2 Bà Bùi Thị Ánh T được hưởng di sản thừa kế của cụ Bùi Văn H là 1/9 (giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) tương đương  $7,026,763,333 \text{ đồng} / 3 = 2,342,254,444 \text{ đồng}$  (hai tỷ,

ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

4.3 Công nhận phần giá trị xây dựng tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021 là 369,320,000 đồng (ba trăm, sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) là di sản của bà Bùi Thị Ánh T.

Tổng cộng di sản bà Bùi Thị Ánh T là 7/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H, không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019 và giá trị xây dựng tại Chứng thư thẩm định giá của Công ty A ngày 15/4/2021.

5. Buộc các đồng thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T gồm ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L pH liên đới thanh toán số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và số tiền 2,342,254,444 đồng (hai tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn Thảo. Cụ thể, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L mỗi người pH thanh toán số tiền 390,375,741 đồng (ba trăm chín mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và số tiền 390,375,741 (ba trăm chín mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) đồng cho các thừa kế của ông Bùi Văn T.

Sau khi các thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T gồm: ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L liên đới thanh toán xong cho các thừa kế của ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T số tiền nêu trên. Ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H và ông Phan Thanh L được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà và diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) là tài sản chung và công nhận mỗi người được hưởng một phần như nhau.

6. Trường hợp ông Phan Văn T bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L không thanh toán số tiền nêu trên, thì pH phát mãi nhà và diện tích đất 391,1m<sup>2</sup> (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) để thanh toán

cho các thừa kế của ông Bùi Văn C là 1/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019) và thanh toán cho các thừa kế ông Bùi Văn T là 1/9 giá trị diện tích 391,1m<sup>2</sup> đất tại số 482/12/5 đường L, PH 11, quận B, Thành phố H (không bao gồm phần đất có mộ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 31/10/2019).

Thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

#### 6. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C gồm các ông bà là ông Bùi Minh Q; bà Bùi Thị Minh H; bà Bùi Thị Minh H; ông Trần Thanh P; ông Bùi Minh H1, ông Bùi Minh Sang và ông Thạch Phú L pH cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78,845,089 đồng (bảy mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng). Được trừ vào số tiền 39,333,000 đồng (ba mươi chín triệu, ba trăm, ba mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Bùi Văn C tạm nộp theo Biên lai thu, tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034712, ngày 13/4/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận B. Các đồng thừa kế của ông Bùi Văn C còn pH nộp thêm số tiền 39,512,089 đồng (ba mươi chín triệu, năm trăm mười hai nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

6.2 Những người thừa kế của ông Bùi Văn T gồm bà Lý Thị U, Bùi Anh D; Bùi Văn L; Bùi Anh T; Bùi Anh K; Bùi Thị Anh T; Bùi Thị Anh T pH cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 78,845,089 đồng (bảy mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi chín đồng).

6.3 Những người thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T gồm ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh V, ông Phan Thanh S, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Thanh H, ông Phan Thanh L pH cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 124,395,781 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng), được căn trừ số tiền ông Phan Thanh L tạm ứng án phí sơ thẩm 300,000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu, tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0092805 ngày 14/10/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đồng thừa kế của bà Bùi Thị Ánh T còn pH nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 124,095,781 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng).

Thực hiện tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

7. Các chi phí tố tụng gồm các tiền tạm ứng đo vẽ, định giá, thẩm định tại chỗ, Ủy thác tư pháp, trước đây nguyên đơn đã tạm ứng. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Văn C và ông Bùi Văn T tự nguyện chịu toàn bộ. Ghi nhận các đương sự đã thực hiện xong các chi phí này.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bùi Minh H1 pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ mỗi người 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001593 ngày 24/01/2022 (do bà Trần Thị Quỳnh G nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Hồ Thị Thanh Thúy**